

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Mã đề 0901

Họ và tên thí sinh:
Số báo danh:

PHẦN I: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
B. Đẩy mạnh đô thị hoá, thu hút vốn đầu tư.
C. Tăng trưởng kinh tế, đa dạng hoá sản xuất.
D. Phát triển nền kinh tế thị trường, hội nhập.

Câu 2: Sản xuất lương thực của nước ta hiện nay

- A. ngô là cây lương thực chính.
B. diện tích lúa tăng liên tục.
C. đang áp dụng kỹ thuật mới.
D. phát triển mạnh ở vùng núi.

Câu 3: Giải pháp chủ yếu nào sau đây giúp sử dụng hiệu quả nguồn nước ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay?

- A. Nuôi trồng thủy sản, phát triển giao thông, tránh làm ô nhiễm nước.
B. Tăng liên kết vùng, phát triển du lịch sinh thái, bảo vệ nguồn nước.
C. Phát triển thủy lợi, sử dụng tiết kiệm nước cho sản xuất và sinh hoạt.
D. Đầu tư hạ tầng, tăng cường hợp tác, phát triển đa dạng ngành nghề.

Câu 4: Lao động của nước ta hiện nay

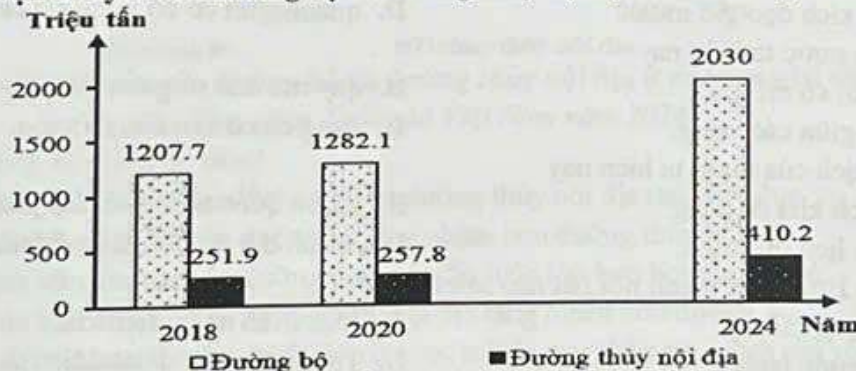
- A. đang đẩy mạnh hợp tác quốc tế.
B. tỉ lệ lao động thành thị rất nhỏ.
C. tỉ lệ lao động dịch vụ giảm mạnh.
D. đều có việc làm thường xuyên.

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây đúng với lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên?

- A. Không tiếp giáp với Lào.
B. Có nhiều đảo và quần đảo.
C. Ba mặt của vùng giáp biển.
D. Phú Quốc là đảo lớn nhất.

Câu 6: Cho biểu đồ sau:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường bộ và đường thủy nội địa ở nước ta giai đoạn 2018 – 2024



(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường bộ tăng chậm hơn đường thủy nội địa.
B. Khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường bộ và đường thủy nội địa tăng liên tục.
C. Khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường thủy nội địa tăng nhiều hơn đường bộ.
D. Khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường thủy nội địa luôn lớn hơn đường bộ.

Câu 7: Chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay

- A. số lượng đàn trâu tăng rất nhanh.
B. chuồng trại chưa được nâng cấp.
C. thiếu nhiều đồng cỏ quy mô lớn.
D. thị trường tiêu thụ được mở rộng.

Câu 8: Đồng bằng sông Hồng có ngành tài chính ngân hàng phát triển do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Hội nhập quốc tế nhanh, vốn đầu tư nhiều, hạ tầng hiện đại.
- B. Chính sách phù hợp, đô thị hóa nhanh, mức sống nâng cao.
- C. Sản xuất phát triển, dân đông, nhiều lao động có trình độ.
- D. Công nghiệp hóa nhanh, cơ sở hạ tầng tốt, có nhiều đô thị.

Câu 9: Việc đẩy mạnh phát triển các khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường hợp tác quốc tế.
- B. Thay thế công nghiệp truyền thống, giảm lượng phát thải khí nhà kính.
- C. Khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- D. Chuyển dịch kinh tế theo hướng hiện đại, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Câu 10: Tính thất thường của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta chủ yếu gây khó khăn cho

- A. hoạt động giao thông, cơ cấu mùa vụ nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm.
- B. kế hoạch mùa vụ và canh tác nông nghiệp, phòng chống các thiên tai.
- C. hoạt động du lịch, bảo quản nông sản, dịch bệnh dễ bùng phát lây lan.
- D. nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.

Câu 11: Các làng nghề ở nước ta

- A. đều sản xuất thủ công.
- B. mới xuất hiện gần đây.
- C. gắn với vùng nông thôn.
- D. sản phẩm kém đa dạng.

Câu 12: Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với vùng kinh tế - xã hội nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 13: Công nghiệp khai thác than của nước ta hiện nay

- A. sản lượng giảm mạnh.
- B. toàn bộ để xuất khẩu.
- C. chưa đổi mới kĩ thuật.
- D. tập trung ở miền Bắc.

Câu 14: Loại gió nào sau đây hoạt động quanh năm ở nước ta?

- A. Gió phơn Tây Nam.
- B. Tín phong Đông Bắc.
- C. Gió mùa Tây Nam.
- D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 15: Vùng biển của nước ta

- A. có vùng đặc quyền kinh tế rộng.
- B. các đảo lớn đông dân đều xa bờ.
- C. có khí hậu cận xích đạo gió mùa.
- D. quanh năm có độ muối rất cao.

Câu 16: Dân số của nước ta hiện nay

- A. tỉ lệ già tăng dân số rất cao.
- B. quy mô dân số giảm nhanh.
- C. phân bố hợp lí giữa các vùng.
- D. đang có cơ cấu dân số vàng.

Câu 17: Ngành du lịch của nước ta hiện nay

- A. sản phẩm du lịch khá đa dạng.
- B. khách quốc tế chiếm chủ yếu.
- C. chưa có khu du lịch quốc gia.
- D. doanh thu du lịch tăng chậm.

Câu 18: Đông Nam Bộ có thế mạnh nổi bật nào sau đây?

- A. Khai thác kim loại màu.
- B. Phát triển nhiệt điện khí.
- C. Nuôi thủy sản nước lạnh.
- D. Trồng cây cận nhiệt đới.

PHẦN II: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po giai đoạn 2021 – 2024

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2021	2022	2023	2024
Xuất khẩu	794,5	926,0	874,0	978,6
Nhập khẩu	637,2	733,9	686,7	786,0

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới năm 2025)

a) Giai đoạn 2021 – 2024, trị giá xuất siêu của Xin-ga-po tăng chủ yếu do đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản,

nông sản chế biến và hàng điện tử.

b) Giai đoạn 2021 – 2024, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po có tốc độ tăng nhanh hơn nhiều so với nhập khẩu.

c) Năm 2024, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ và trị giá nhập siêu của Xin-ga-po lớn nhất.

d) Giai đoạn 2021 – 2024, trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po tăng liên tục.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái. Trong những năm qua, du lịch vùng Bắc Trung Bộ đã có bước phát triển khá, tuy nhiên kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng.

a) Phát triển du lịch sinh thái ở Bắc Trung Bộ cần gắn với quy hoạch không gian và kiểm soát sức chứa.

b) Tài nguyên rừng phong phú và hệ sinh thái đa dạng là nền tảng để Bắc Trung Bộ phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn thiên nhiên.

c) Du lịch sinh thái ở Bắc Trung Bộ góp phần tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư miền núi, đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

d) Bắc Trung Bộ đang tăng cường khai thác rừng phòng hộ để phát triển du lịch sinh thái.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đa dạng theo chiều bắc – nam, chiều đông – tây và theo độ cao địa hình. Sự phân hóa đó hình thành nên các miền địa lý tự nhiên khác nhau và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

a) Dãy Bạch Mã là nhân tố chủ yếu gây nên sự phân hóa khí hậu theo bắc – nam ở nước ta.

b) Sự phân hóa thiên nhiên là nguyên nhân làm cho cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta đa dạng, nhưng cũng làm tăng chi phí đầu tư hạ tầng giao thông và logistics.

c) Sự phân hóa của thiên nhiên tạo cơ sở để đa dạng các sản phẩm du lịch.

d) Do sự phân hóa phức tạp của thiên nhiên nên các vùng nông nghiệp ở nước ta cần xây dựng kế hoạch mùa vụ riêng và độc lập trong sản xuất.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, ngành dịch vụ ở nước ta hiện nay đã vươn lên trở thành một trụ cột quan trọng, góp phần định hình cơ cấu kinh tế hiện đại. Sự phát triển ngày càng đa dạng của các lĩnh vực dịch vụ đã tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế, đồng thời mở ra nhiều cơ hội việc làm hấp dẫn cho hàng triệu lao động trên cả nước.

a) Dân số nước ta đông là nhân tố chủ yếu tạo ra sức mua lớn, làm xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới.

b) Mục đích chủ yếu của việc ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao ở nước ta là hiện đại hóa nền kinh tế, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, xóa đói giảm nghèo.

c) Ngành dịch vụ có vai trò tiên phong trong quá trình chuyển đổi số quốc gia ở nước ta hiện nay.

d) Lao động nước ta ngày càng tập trung đông trong ngành dịch vụ.

PHẦN III: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

**Tỉ suất sinh thô và tỉ suất chết thô của dân số nước ta năm 2024
phân theo khu vực nông thôn và thành thị**

(Đơn vị: ‰)

Khu vực	Nông thôn	Thành thị
Tỉ suất sinh thô	13,9	12,8
Tỉ suất chết thô	6,3	4,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 ở nước ta, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của khu vực nông thôn thấp hơn tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của khu vực thành thị là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:
Số giờ nắng các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Bãi Cháy và Vũng Tàu
(Đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Bãi Cháy	63,9	39,8	26,6	82,8	113,3	101,5	118,5	156,5	110,8	218,8	192,0	116,6
Vũng Tàu	256,1	270,6	295,8	311,5	251,5	202,4	176,3	283,5	160,9	199,8	208,0	106,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024, chênh lệch tổng số giờ nắng tại trạm quan trắc Vũng Tàu và tổng số giờ nắng trạm quan trắc Bãi Cháy là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).
Câu 3: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) và Đà Nẵng
(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	53,8	12,8	32,2	41,6	213,3	196,6	339,7	306,0	697,6	47,4	0,6	3,7
Đà Nẵng	38,3	8,2	0,9	4,1	205,5	27,7	164,7	56,9	370,0	681,7	608,9	443,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024, tổng lượng mưa của các tháng trong mùa mưa (mùa mưa là thời gian có 3 tháng liên tục trở lên có lượng mưa trên 100 mm) tại trạm quan trắc Đà Nẵng cao hơn tổng lượng mưa của các tháng trong mùa mưa tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Năm 2024, nước ta có diện tích gieo trồng lúa đông xuân là 2 954,1 nghìn ha; năng suất gieo trồng lúa đông xuân là 68,8 tạ/ha. Hãy cho biết năm 2024, sản lượng lúa đông xuân của nước ta là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Cho bảng số liệu:
Sản lượng thủy sản của Bắc Trung Bộ năm 2010 và năm 2024
(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2024
Thủy sản khai thác	240,9	556,8
Thủy sản nuôi trồng	97,1	212,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác trong tổng sản lượng thủy sản của Bắc Trung Bộ năm 2024 tăng bao nhiêu % so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 6: Năm 2024, sản lượng dầu thô khai thác của nước ta là 9 890 nghìn tấn, trong đó sản lượng dầu thô khai thác ở trong nước chiếm 82,1%. Hãy cho biết năm 2024, sản lượng dầu thô khai thác ở trong nước cao hơn sản lượng dầu thô khai thác ở nước ngoài bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

HẾT

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
AN GIANG**

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

**ĐÁP ÁN
KÌ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ**

Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên thí sinh: Số báo danh :

Câu hỏi	0901	0902	0903	0904	0905	0906	0907	0908
1	D	A	D	A	B	B	C	C
2	C	A	D	C	D	D	D	A
3	D	A	C	A	B	A	C	C
4	A	D	C	B	B	A	C	B
5	B	A	B	A	A	D	C	D
6	B	A	B	D	B	B	D	A
7	D	B	C	C	D	B	A	C
8	D	D	D	B	A	A	B	C
9	D	A	D	C	D	D	C	D
10	B	C	C	B	C	D	B	B
11	C	D	C	A	C	C	A	B
12	D	C	D	A	D	B	C	A
13	D	B	D	A	C	B	D	D
14	B	D	C	B	D	B	A	C
15	A	A	D	B	D	D	B	A
16	D	D	C	D	D	B	C	C
17	A	D	C	B	A	A	A	B
18	B	A	A	B	B	B	C	B
19	SSSS	SĐĐS	ĐĐSS	ĐĐĐS	SĐĐS	ĐSĐS	ĐSĐS	SĐĐS
20	ĐĐĐS	SSSS	SSĐĐ	ĐSSĐ	SSĐĐ	ĐĐSS	SSSS	SĐĐĐ
21	SĐĐS	SSĐĐ	ĐĐSĐ	SSSS	SĐĐĐ	ĐSĐĐ	SĐSĐ	ĐĐSS
22	SSĐĐ	ĐĐSĐ	SSSS	SĐĐS	SSSS	SSSS	ĐĐSĐ	SSSS
23	0,06	0,06	20,3	4,6	1382	4,6	1382	1382
24	1382	1382	0,06	1382	4,6	0,06	351	4,6
25	351	20,3	1,07	20,3	20,3	1,07	20,3	0,06
26	20,3	351	1382	351	1,07	1382	0,06	1,07
27	1,07	4,6	4,6	1,07	351	20,3	1,07	20,3
28	4,6	1,07	351	0,06	0,06	351	4,6	351